TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2018
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Bà Dương Triết Minh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Cẩm Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2017 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Trần Kim Ngọc N**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Đông, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: anh **Lương Văn T**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Tây A, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 27/02/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Kim Ngọc N trình bày: tôi và anh T tiến đến hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Phú Hòa ngày 28/02/2006. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống hạnh phúc, đến năm 2004 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với vợ và con, thường xuyên uống rượu, cờ bạc, có khi anh T bỏ nhà đi hai, ba ngày mới về và có lần con tôi bệnh phải nhập viện nhưng anh T không quan tâm. Đến tháng 06 năm 2012 thì tôi và các con về nhà cha mẹ ruột tôi sinh sống.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã dành thời gian cho vợ chồng tôi tìm hiểu để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng giữa chúng tôi không phù hợp nhau, thường xuyên cự cãi và hiện tại mỗi người sống mỗi nơi. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: chúng tôi có 03 con chung tên Lương Trần Công M, sinh ngày 09/9/2000; Lương Trần Xuân Tr, sinh ngày 24/4/2006 và Lương Trần Công Nh, sinh ngày 16/9/2008. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng sống cùng tôi thì tôi đồng ý; tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 18/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Văn T trình bày:

Tôi và cô N tiến đến hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Hòa ngày 28/02/2006. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi làm ăn thất bại nên cô N muốn về nhà cha mẹ vợ sinh sống nhưng tôi không đồng ý. Sau đó, cô N có nhờ cha vợ đến hỏi tôi cho rước vợ tôi và các con về bên vợ ở nhưng tôi không thống nhất. Khoảng tháng 6 năm 2012, nhân lúc tôi không có ở nhà thì cha vợ tôi đến nhà rước vợ tôi và các con về nhà cha mẹ vợ ở và lấy đi một số vật dụng trong gia đình. Mặc dù tôi đã nhiều lần đến rước vợ và các con tôi về nhưng vợ tôi không đồng ý. Đến cuối năm 2013 thì vợ tôi có quay về sống cùng tôi, cuối năm 2015 thì vợ tôi bỏ nhà đi đâu không rõ, khi đó các con sống cùng tôi. Đến tháng 6 năm 2017 thì cả 03 con theo cô N sinh sống cho đến nay. Những mâu thuẫn mà cô N nêu là không đúng. Tôi thừa nhận khi tôi uống rượu, đôi khi có ngủ lại nhà chị tôi. Nay cô N yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý, vì tôi vẫn còn thương vợ, thương con và không muốn các con sống thiếu vắng tình cảm cha, mẹ.

Về quan hệ con chung: chúng tôi có 03 con chung tên Lương Trần Công M, sinh ngày 09/9/2000; Lương Trần Xuân Tr, sinh ngày 24/4/2006 và Lương Trần Công Nh, sinh ngày 16/9/2008. Hiện nay các cháu M, Tr và Nh đang sống chung với cô N. Mặc dù tôi không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì tôi yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu M, Tr và Nh; không yêu cầu cô N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Văn T có địa chỉ tại ấp Hòa Tây A, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị Trần Kim Ngọc N với anh Lương Văn T chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy UBND thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 17/2006, quyển số I/2006, ngày 28/02/2006. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Trần Kim Ngọc N: chị N với anh T chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2004 thì ra mâu thuẫn, chị N cho rằng anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ và con nên từ đó dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng trong đời sống hôn nhân và đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, do anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị N và không đồng ý ly hôn nên Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị N và anh T đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, đồng thời chăm sóc và giáo dục con chung. Tuy nhiên, chị N và anh T vẫn không đoàn tụ được. Tại phiên tòa, chị N vẫn nhất quyết ly hôn với anh T. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Kim Ngọc N.

[4] Về quan hệ con chung: chị N và anh T có 03 con chung tên: Lương Trần Công M, sinh ngày 09/9/2000; Lương Trần Xuân Tr, sinh ngày 24/4/2006 và Lương Trần Công Nh, sinh ngày 16/9/2008. Hiện nay các cháu M, Tr và Nh đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T thì yêu cầu nuôi con và cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Xét thấy, chị N với anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của các con chưa thành niên. Các cháu Tr và Nh đang được học hành ổn định; cả 03 cháu đang sống chung với chị N. Đồng thời, tại các biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2017 và ngày 24/11/2017 thì nguyện vọng của cháu M, cháu Tr và cháu Nh đều muốn được sống với chị N. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của các cháu, căn cứ vào khoản 2

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N; giao cháu M, cháu Tr và cháu Nh cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị N, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Do chị Trần Kim Ngọc N yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim Ngọc N.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Kim Ngọc N được ly hôn với anh Lương Văn T.

- Về quan hệ con chung: chị N với anh T có 03 con chung tên: Lương Trần Công M, sinh ngày 09/9/2000; Lương Trần Xuân Tr, sinh ngày 24/4/2006 và Lương Trần Công Nh, sinh ngày 16/9/2008.

+ Giao các cháu Lương Trần Công M, Lương Trần Xuân Tr và Lương Trần Công Nh cho chị Trần Kim Ngọc N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện các cháu M, Tr và Nh đang sống chung với chị N).

+ Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Kim Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000702 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em